

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LẬP THẠCH
TỈNH VĨNH PHÚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2018/HNGĐ-ST

Ngày 13 tháng 7 năm 2018

“V/v: Tranh chấp Hôn nhân và Gia đình”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẬP THẠCH

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Lực

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Trung Thành

Bà Trần Thị Lan Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Nga – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch tham gia phiên tòa:
Bà Trần Thị Thúy Nga – Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 7 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lập Thạch, tỉnh Vĩnh Phúc, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 58/2018/TLST -HNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2018, về việc tranh chấp Hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 58/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2018, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1960

Nơi cư trú: Thôn Tây Hạ Đông, xã Bàn Giản, Lập Thạch, Vĩnh Phúc có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1957

Nơi cư trú: Thôn Tây Hạ Đông, xã Bàn Giản, Lập Thạch, Vĩnh Phúc, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn đề ngày 08/01/2018 và các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:

Bà kết hôn với ông C năm 1979, trước khi kết hôn được tự do tìm hiểu và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Bàn Giản. Sau khi kết hôn, bà về chung sống và làm ăn cùng gia đình ông C. Vợ chồng sống hòa thuận đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do ông C có quan hệ ngoại tình, mỗi khi đi làm về nhà thì hay gây sự đánh, chửi bà, bà vì các con nên đã cố gắng sống với ông C

nhiều năm nhưng ông C không sửa chữa, thay đổi. Nay bà xác định tình cảm vợ chồng không còn, bà xin được ly hôn ông C.

Về con chung: Bà và ông C có 04 người con chung là Nguyễn Thị Thúy sinh năm 1981, Nguyễn Thị Hòa sinh năm 1986, Nguyễn Văn Kim sinh năm 1990, Nguyễn Văn Cương sinh năm 1993. Các con đều đã trưởng thành. Ly hôn, bà không đề nghị tòa giải quyết.

Tài sản chung, công nợ: Trong quá trình giải quyết vụ án bà có đề nghị giải quyết về việc chia tài sản chung và công nợ. Nay bà xin rút yêu cầu do ông C cố tình trốn tránh không đến Tòa án làm việc. Khi nào ông C có mặt thì bà đề nghị giải quyết bằng vụ án khác.

Tài sản riêng, công sức: Bà xác định không có và không đề nghị Tòa án giải quyết.

Đối với ông Nguyễn Văn C là bị đơn, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần, nhưng ông đều cố tình lẩn tránh, vắng mặt không có lý do. Qua xác minh tại UBND xã Bàn Giản và gia đình ông C; thì hiện nay ông C vẫn thường xuyên có mặt ở địa phương tại thôn Tây Hạ Đông, xã Bàn Giản. Các lần Tòa án gọi ông C, địa phương đều giao thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập, thông báo hòa giải đến gia đình ông C, nhưng ông C vẫn vắng mặt mà không có lý do chính đáng

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân huyện Lập Thạch phát biểu quan điểm: Trong quá trình giải quyết vụ án cho đến giai đoạn Hội đồng xét xử, nghị án đã thực hiện đầy đủ, trình tự đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình xử cho bà T được ly hôn ông C; Con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức do bà T không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Căn cứ vào đơn khởi kiện, tài liệu kèm theo đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T và các tài liệu, chứng cứ thu thập trong hồ sơ vụ án. Xác định đây là quan hệ tranh chấp Hôn nhân và gia đình “Xin ly hôn”. Bị đơn là ông Nguyễn Văn C có địa chỉ tại xã Bàn Giản, huyện Lập Thạch nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của TAND huyện Lập Thạch theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng Dân sự.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ nhiều lần đối với ông C nhưng ông C không đến tòa. Tòa án đã tiến hành thông báo và niêm yết công khai các văn bản tố tụng tại địa phương nơi ông C cư trú, nhưng ông C vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử quyết định xét xử

vắng mặt đương sự theo điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng Dân sự.

[2] Cuộc hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị T và ông Nguyễn Văn C là cuộc hôn nhân hợp pháp, xây dựng trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Quá trình vợ chồng chung sống do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không tin tưởng nhau, bà T cho rằng ông C có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác, ông C thường xuyên sử dụng bạo lực gia đình, đánh, chửi bà T, vi phạm nghĩa vụ vợ chồng. Vợ chồng sống ly thân từ nhiều năm nay.

Xét tình cảm vợ chồng giữa bà T và ông C mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông C cố tình vắng mặt không đến Tòa án để giải quyết việc bà T có đơn xin ly hôn ông, như vậy phần nào thể hiện ông C không có nguyện vọng và biện pháp hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ. Do vậy đề nghị của bà T xin ly hôn ông C là có căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và Gia đình nên được chấp nhận.

[3] Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà T không đề nghị Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Quá trình giải quyết vụ án đến ngày 06/6/2018 và tại phiên tòa bà T đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung và công nợ. Xét thấy việc bà T rút yêu cầu là tự nguyện, không trái quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Ông C vắng mặt nên không có lời khai và đề nghị của ông, khi nào ông có mặt và yêu cầu về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức thì giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Nguyễn Thị T phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật và trả lại cho bà số tiền tạm ứng án phí đối với đề nghị rút yêu cầu chia tài sản chung và công nợ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Áp dụng: Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu án phí, lệ phí Tòa án;

Xử: Cho bà Nguyễn Thị T được ly hôn ông Nguyễn Văn C.

Về con chung, tài sản chung, tài sản riêng, công nợ, công sức: Bà T không đề nghị giải quyết nên không xem xét.

Đinh chỉ yêu cầu của bà T về việc đề nghị chia tài sản chung và công nợ chung của vợ chồng.

Về án phí: bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000đ án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm, nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 2.500.000đ

theo biên lai số: AA/2016/0001502 ngày 26/3/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lập Thạch. Trả lại cho bà T 2.200.000đ.

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bà T có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

Ông C vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày giao nhận bản án hoặc niêm yết tại UBND nơi cư trú của người vắng mặt.

T/M: HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- VKSND huyện Lập Thạch
- THA Lập Thạch.
- UBND xã Bàn Giản
- Các đương sự
- Lưu hai bản.

Trần Hữu Lực